

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **165/2017/DSST**;
Ngày: 22/8/2017
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cao Tuấn**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Xuân Nam**;

2/ Ông **Trần Văn Nghiệm**;

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thơm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Hữu Nhân** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2017/TLST-DS ngày 07/6/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2017/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2007 giữa các đương sự:

1/ **Nguyên đơn:** **NGUYỄN VĂN P** - sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang.

2/ **Bi đơn:** **NGUYỄN THỊ HỒNG T** – sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang.

NHẬN THẤY:

1/ Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Trong năm 2015, ông có cho bà Nguyễn Thị Hồng T vay 02 lần tiền, cụ thể:

Ngày 14/5/2015 ông cho bà T vay 270.000.000 đồng.

Ngày 11/12/2015 ông cho bà T vay 880.000.000 đồng.

Cả 02 lần vay tiền bà T đều có viết biên nhận nợ. Khi vay lãi suất thỏa Tận 1,5%/tháng và bà T có đóng lãi của khoản vay 270.000.000 đồng đến ngày 14/01/2016 thì ngưng, còn khoản vay 880.000.000 đồng bà T không có trả lãi, cả 02 khoản vay trên bà T không có trả vốn. Sau đó ông nhiều lần yêu cầu bà T trả vốn nhưng bà T cố tình lánh mặt.

Do đó nay ông khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm trả cho ông số tiền vốn vay là 1.150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng từ ngày bà T ngưng trả lãi đến ngày Tòa xét xử. Yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Bà thừa nhận vào năm 2015 bà có vay tiền như ông P trình bày. Cả 02 lần vay bà đều có viết biên nhận nợ và bà có đóng lãi của khoản vay 270.0000.000 đồng đến ngày 14/01/2016 với mức lãi suất 1,5%/tháng, khoản vay 880.000.000 đồng bà không có đóng lãi và cả 02 lần vay trên bà chưa có trả vốn.

Nay bà cũng đồng ý trả cho ông P số tiền vốn tổng cộng là 1.150.000.000 đồng nhưng bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin không trả lãi vì hoàn cảnh kinh tế của bà hiện tại rất khó khăn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông P yêu cầu tính lãi 1%/tháng từ ngày bà T ngưng trả lãi cho đến ngày xét xử và yêu cầu bà T trả $\frac{1}{2}$ vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật, số tiền vốn và lãi còn lại ông yêu cầu bà T trả mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu khởi kiện của ông P nhưng bà xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và yêu cầu cản trừ 10.000.000 đồng bà đã trả cho ông P vào năm 2016 vào phần tiền lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng trình tự, qui định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo qui định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự Tộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 14/5/2015 ông P có cho bà T vay 270.000.000 đồng và ngày 11/12/2015 ông P cho bà T vay 880.000.000 đồng. Các lần vay bà T đều có viết biên nhận nợ, lãi suất thỏa Tận là 1,5%/tháng và bà T đã trả lãi của số tiền 270.000.000 đồng đến ngày 14/01/2016 thì ngưng, khoản vay 880.000.000 đồng bà T không có trả lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông P đã cung cấp cho Tòa án các biên nhận nợ có chữ viết, chữ ký của bà T và bà T cũng thừa nhận hiện bà còn nợ ông P tổng cộng 1.150.000.000 đồng vốn theo các biên nhận do ông P cung cấp. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác nhận sự việc trên là có thật. Tuy nhiên từ tháng 01/2016 mặc dù nhiều lần ông P yêu cầu bà T trả vốn và lãi nhưng bà T cố tình lánh mặt và không thực hiện việc trả lãi cũng như trả vốn kéo dài cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc bà T có trách nhiệm trả cho ông P số tiền vốn là 1.150.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Ông P yêu cầu tính lãi số tiền 1.150.000.000 đồng từ ngày bà T ngưng trả lãi đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1%. Xét yêu cầu này là có cơ sở, phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 468 nên cần buộc bà T có trách nhiệm trả cho ông P số tiền lãi, cụ thể:

- Số tiền 270.000.000 đồng x 1% x 19 tháng 8 ngày (từ ngày 14/01/2016 đến ngày 22/8/2017) = 52.020.000 đồng.

- Số tiền 880.000.000 đồng x 1% x 20 tháng 11 ngày (từ ngày 11/12/2015 đến ngày 22/8/2017) = 179.226.666 đồng.

Tại phiên tòa ông P và bà T thống nhất cần trừ 10.0000.000 đồng mà bà T đã trả cho ông P trong năm 2016 vào phần tiền lãi. Do đó bà T có trách nhiệm trả cho ông P số tiền lãi là $231.246.666 - 10.000.000 = 221.246.666$ đồng.

[4] Xét về thời gian trả: Ông P yêu cầu bà T trả $\frac{1}{2}$ vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật, $\frac{1}{2}$ vốn và lãi còn lại ông P yêu cầu bà T trả mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Phía bà T xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Xét yêu cầu xin được trả dần của bà T gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P và không được ông P đồng ý nên Hội đồng xét xử cần buộc bà T ngay khi án có hiệu lực pháp luật có trách nhiệm trả cho ông P $\frac{1}{2}$ số tiền vốn và lãi, $\frac{1}{2}$ vốn và lãi còn lại mỗi tháng trả 15.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Đồng thời không chấp nhận yêu cầu xin được trả dần của bà T.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét miễn án phí cho bà Nguyễn Thị Hồng T.

- Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn P được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông P được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P.

1/ Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền vốn và lãi tổng cộng là 1.371.246.666 đồng (một tỷ ba trăm bảy mươi một triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), thời gian thực hiện như sau:

- Ngay khi án có hiệu lực pháp luật bà T trả cho ông P 685.623.333 đồng (sáu trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

- Số tiền vốn là lãi còn lại là 685.623.333 đồng (sáu trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) mỗi tháng bà T trả cho ông P 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), bắt đầu thực hiện trả lần đầu vào ngày 15 tây của tháng tiếp theo tháng án có hiệu lực pháp luật, trả dần cho đến khi dứt nợ.

2/ Không chấp nhận việc bà T xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt 1.371.246.666 đồng (một tỷ ba trăm bảy mươi một triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

3/ Kể từ ngày ông P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T không chịu trả số tiền trên thì bà T còn phải chịu lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo thỏa Tận của ông P và bà T nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu ông P và bà T không có thỏa Tận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4/ Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Hồng T.

- Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn P 11.625.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 38674 ngày 07/6/2017 và 7.991.250 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 38739 ngày 14/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

5/ Báo các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Cao Tuấn